

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2022/HS-PT**
Ngày: 25/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Hải Bằng

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn **Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985; Nơi sinh: ThTh, ThB; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ LD 1, phường QTr, quận KA, thành phố HP; Chỗ ở hiện nay: Số 73 LNH, phường ThB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Lê Thị Ng; Chồng là Phạm Tuấn A, có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2022); Tiền án, tiền sự: **Chưa**.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 01/02/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến ngày 10/5/2021 được bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh năm 1985; Nơi sinh: HY; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NhL, xã LH, huyện VGi, tỉnh HY; Chỗ ở hiện nay: Phòng 2604, CT2A ThB, phường ThB, quận LB, Thành phố HN; Nghề nghiệp: Phóng viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành T (ông T được Nhà nước tặng

thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba) và bà Nguyễn Thị Kim Th (bà Th được Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục); Chồng là Trần Hải B, có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang thực hiện biện pháp bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại kháng cáo:** Chị **Đặng Thị Kim Th**, sinh năm: 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8B/86 BTX, phường LTN, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Số 562 LTN, phường LTN, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông **Đinh Vinh D**- Luật sư Văn phòng Luật sư HD - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Chị **Vũ Thị Thanh H**, sinh năm 1975; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44 Phố PhTh, phường PNL, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L là Giám đốc **Trung** tâm Khoa học, Giáo dục và đào tạo ĐTr, địa chỉ: Số 19 LH, phường ThB, thành phố HD. Năm 2018, L ký Hợp đồng dạy kỹ năng sống tại trường Tiểu học TM, phường TM, thành phố HD, đại diện là chị Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1978 (**Hiệu trưởng nhà trường**), ĐKHKT: Số 8B/86 BTX, phường LTN, thành phố HD, thời hạn ký hợp đồng theo từng năm và được ký lại vào đầu năm học. Trong quá trình giảng dạy chị Th trao đổi với L chất lượng dạy học của **Trung** tâm ĐTr không tốt nên L nghĩ chị Th sẽ không tiếp tục ký Hợp đồng với trung tâm của L nữa. Khoảng 08 giờ ngày 12/10/2020, L điều khiển xe ô tô biển số 15A - 409.24 trên phố QT, thành phố HD thì nhìn thấy chị Th điều khiển xe ô tô biển số: 34A - 260.35 đỗ gần cổng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương rồi đón anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1979, ĐKHKT: Số 59 MHT, phường HT, thành phố HD (là Chánh thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương) đi cùng. L nghi ngờ hai người có quan hệ nam nữ. Tại thời điểm này, chị Th đang xem xét về việc ký lại hợp đồng dạy kỹ năng sống với Trung tâm nên L nảy sinh ý định đi theo dõi, thu thập thông tin về các mối quan hệ của chị Th để khi cần L sẽ sử dụng buộc chị Th phải lệ thuộc vào L. Khi thấy chị Th điều khiển xe ô tô vào khách sạn PhNg ở gần khu vực Ngã tư BH, thành phố HD, L sử dụng điện thoại di động chụp hình ảnh xe ô tô

của chị Th và hình ảnh cổng khách sạn PhNg. Khoảng 30 phút sau, L thấy chị Th, anh Q đi từ trong khách sạn ra rồi đi ô tô về đường QT gần Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương thì anh Q xuống xe nên L đi về.

Ngày 06/11/2020, Trung tâm của L và chị Th đã ký Hợp đồng dạy kỹ năng sống nhưng chị Th nhiều lần phản ánh về chất lượng dạy học chưa tốt của Trung tâm ĐTr nên L bức tức, nảy sinh việc hạ uy tín của chị Th bằng cách nhờ nhà báo viết đăng bài, hình ảnh lên mạng Internet phản ánh việc chị Th vào nhà nghỉ quan hệ bất chính, sau đó L sẽ đứng ra xin nhà báo giúp để tạo uy tín với chị Th. Do có mối quan hệ bạn bè với Nguyễn Thị Hải Y là phóng viên tạp chí Doanh nghiệp và Thương Hiệu nên ngày 06/11/2020, L đã gửi 02 bức ảnh chụp chị Th đến khách sạn PhNg, từ tài khoản zalo của L là “LT” đến tài khoản zalo: “Y báo em” của Y để hỏi Y có viết được bài báo phản ánh việc chị Th có quan hệ nam nữ với anh Q không. Sau khi nhận được tin nhắn, hình ảnh do L gửi, Y đã gửi tin nhắn, hình ảnh đó qua facebook cho một nhà báo tên “HS” (không rõ tên, tuổi địa chỉ nhà và nơi làm việc, Y quen biết khi cùng tham gia cuộc gặp mặt các nhà báo) để hỏi 02 bức ảnh như vậy có viết bài được không thì chủ tài khoản facebook “HS” nhắn lại là không viết được nên Y thông báo lại nội dung trên cho L biết.

Đến ngày 31/12/2020, Hợp đồng dạy học trên đã hết, L muốn chị Th tiếp tục ký lại Hợp đồng dạy kỹ năng sống với Trung tâm và chị Th phải lệ thuộc vào L nên ngày 11/01/2021, L hướng dẫn qua điện thoại và nhắn tin với Y thống nhất về việc đe dọa chị Th bằng việc sử dụng các hình ảnh đã chụp được ở khách sạn PhNg và giả vờ có video clip dài 1 giờ 47 phút về hình ảnh chị Th đi với anh Q để uy hiếp tinh thần chị Th. L hướng dẫn Y đóng vai nhà báo làm ở báo Thanh Tra có tên Zalo là: “HĐ KTĐT”, L lưu vào zalo của L là: “HĐHA BTT”. Sau đó Y với nick zalo trên sẽ nhắn vào tên zalo của L về việc đang có video clip hình ảnh nhạy cảm của chị Th cập bờ và có người đang thuê đăng báo với số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó L chụp toàn bộ hình ảnh tin nhắn này gửi chị Th và thông báo cho chị Th biết việc có nhà báo đăng bài để chị Th lo sợ. Y ghi âm lại các nội dung L hướng dẫn và đồng ý làm như L hướng dẫn, L chụp toàn bộ tin nhắn giữa L và tên zalo “HĐHA BTT” của Y cho chị Th xem. Do sợ ảnh hưởng đến uy tín nên chị Th đã nhờ L xin nhà báo không đăng bài, ảnh, video clip trên. L đồng ý giúp chị Th trao đổi với nhà báo không đăng ảnh, đăng bài. L đứng ra làm vai trò trung gian, giả vờ nhắn tin cho Y với tên zalo “HĐHA BTT”, xin giúp chị Th. Ngày 12/01/2021, sau khi biết chị Th lo sợ, L hướng dẫn Y với vai trò nhà báo nhắn tin cho L gợi ý chị Th phải đưa số tiền tối thiểu là

50.000.000 đồng, cao nhất là vài trăm triệu đồng cho nhà báo thì sẽ không đăng bài, ảnh, video clip. Y đồng ý và làm theo hướng dẫn của L. Tuy nhiên, L nghĩ nếu báo chị Th đưa 50.000.000 đồng ít nên L xóa tin nhắn gợi ý này đi, để lại tin nhắn chị Th phải đưa cho nhà báo vài trăm triệu đồng rồi chụp nội dung tin nhắn gửi lại cho chị Th. Sau đó, L nhắn tin qua zalo cho chị Th về việc nhà báo yêu cầu chị Th phải đưa 200.000.000 đồng thì sẽ không đăng bài, ảnh, video clip. Chị Th trao đổi đang khó khăn, nhờ L nói giúp nhà báo giảm số tiền. Để chị Th tiếp tục phải lo sợ và tin nhà báo sẽ gửi video clip cho vợ anh Q, L đã hỏi chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1975, ĐKTT: Số 44 Phố PhTh, phường PNL, **thành phố HD** (là Hiệu trưởng trường **Tiểu học TH, thành phố HD**) địa chỉ nhà anh Q và nơi công tác của vợ anh Q. Rồi L tiếp tục nhắn tin, gọi điện (qua zalo) với Y để Y nhắn tin lại với nội dung sẽ gửi video clip cho vợ anh Q biết để L chụp lại nội dung tin nhắn rồi gửi cho chị Th để chị Th sợ phải chấp nhận đưa tiền cho nhà báo. Sau đó L bảo chị Th đã dàn xếp được với nhà báo, chị Th phải đưa cho nhà báo 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), L sẽ đứng ra bảo lãnh cho chị Th, trực tiếp nhận tiền rồi đưa số tiền trên cho nhà báo. Chị Th đồng ý và hẹn đến ngày 23/01/2021 sẽ giao tiền. Đến khoảng 10 giờ 20 phút ngày 23/01/2021 tại phòng Hiệu trưởng trường **Tiểu học TM, phường TM, thành phố HD**, khi L đang nhận số tiền 180.000.000 đồng của chị Th thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của chị Th: 01 điện thoại Iphone 11 màu vàng đen lắp sim số 0906169939. Thu giữ của **L**: Số tiền 180.000.000 đồng (gồm 360 tờ mệnh giá 500.000 đồng); 01 điện thoại di động SamSung màu đen lắp sim thuê bao số 0977529679 và 0927244666; 01 ví giả da màu nâu; 01 túi xách giả da màu đỏ, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy phép lái xe hạng B2, 01 thẻ căn cước công dân số 034185006507, 04 thẻ cơ quan, Tạp chí doanh nghiệp và thương hiệu các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 đều mang tên Nguyễn Thị L. Thu giữ tại nơi làm việc của L: 01 ổ cứng di động vỏ màu đen; 01 ổ bằng vật cứng màu đen, viền trắng; 02 thẻ nhớ; 01 máy tính Laptop màu bạc hiệu Microsoft Made in China; 02 hộp bìa cát tông. Bị can Y tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động OPPO màu đen, lắp sim thuê bao số 0912.892.663 và 0965.892.663, 01 điện thoại di động OPPO màu hồng lắp sim thuê bao số 0927270525 và 01 chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã trả lại chị Th số tiền 180.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 11 màu vàng đen lắp sim số 0906169939, chị Th nhận lại tài sản không yêu cầu

gì về trách nhiệm dân sự; Trả lại bị can L 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 thẻ căn cước công dân số 034185006507.

Đối với: 01 điện thoại di động SamSung màu đen lắp sim thuê bao số 0977529679 và 0927244666; 01 ví giả da màu nâu, 01 túi xách giả da màu đỏ, 04 thẻ cơ quan, Tạp chí doanh nghiệp và thương hiệu các năm 2017, 2018, 2019 và 2020; 01 ổ cứng di động vỏ màu đen; 01 ổ bằng vật cứng màu đen, viền trắng; 02 thẻ nhớ; 01 máy tính Laptop màu bạc hiệu Microsoft Made in China; 02 hộp bìa cát tông; 01 điện thoại di động OPPO màu đen, lắp sim thuê bao số 0912.892.663 và 0965.892.663, 01 điện thoại di động OPPO màu hồng lắp sim thuê bao số 0927270525 và 01 chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Công an thành phố Hải Dương chờ giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải Y.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hải Y phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 108 ngày (kể từ ngày 23/01/2021-10/5/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ **thẩm**, bị cáo Nguyễn Thị L và bị cáo Nguyễn Thị Hải Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Bị hại chị Đặng Thị Kim Th kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và áp dụng hình phạt “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” đối với cả hai bị cáo và triệu tập chị Vũ Thị Thanh H để xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của chị Huế.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thị L và bị cáo Nguyễn Thị Hải Y giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Bị hại chị Đặng Thị Kim Th thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Yến. Giữ nguyên các nội dung kháng cáo còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, bị hại chị Đặng Thị Kim Th; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 48 (bốn mươi tám) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 108 ngày (**kể** từ ngày 23/01/2021-10/5/2021).

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải Y. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y từ 39 tháng tù đến 42 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Y không phải chịu án phí hình sự phúc **thẩm**.

- Bị cáo L và bị cáo Y nhất trí với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại: Tăng hình phạt đối với bị cáo L, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Yến, áp dụng hình phạt “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” đối với cả hai bị cáo; Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì phải xác định chị Huế với vai trò là

người giúp sức cho bị cáo L, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Huế tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là không đúng. Do có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương để giải quyết lại.

- Chị Đặng Thị Kim Th: Nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo, bị hại trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị hại chị Đặng Thị Kim Th thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, giữ nguyên các nội dung kháng cáo còn lại. Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị hại phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra nên có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2021 đến ngày 23/01/2021, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Hải Y đã nhắn tin đe dọa sẽ đăng bài, hình ảnh, video clip nhạy cảm của chị Đặng Thị Kim Th lên báo mạng làm chị Th lo sợ phải đưa tiền cho L. Đến khoảng 10 giờ 20 phút ngày 23/01/2021 tại phòng Hiệu trưởng trường Tiểu học TM, thành phố HD khi L đang nhận số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của chị Th thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quan hệ sở hữu về tài sản của người khác. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 180.000.000 đồng

nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L và bị cáo Y theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1]. Đối với nội dung đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo L:

- Đối với nội dung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Trong vụ án này bị cáo L và bị cáo Y không có sự câu kết, phân công vai trò chặt chẽ nên kháng cáo của bị hại đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với nội dung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ, e, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Mặc dù, không có video ghi hình ảnh quan hệ nam nữ giữa chị Th và anh Q nhưng L đã dùng thủ đoạn nhờ Y nhắn tin và sử dụng tin nhắn của Y để uy hiếp chị Th. Do sợ ảnh hưởng đến uy tín và công việc nên chị Th đã đưa tiền cho L và báo công an để phát hiện kịp thời hành vi phạm tội của bị cáo. Đây là thủ đoạn để bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại và là dấu hiệu pháp lý của tội phạm bị cáo bị đưa ra xét xử. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

- Đối với nội dung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội là phụ nữ có thai” không phân biệt người phạm tội là phụ nữ có thai tại thời điểm phạm tội hay trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

- Đối với nội dung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp cho Tòa án phiếu thu của Ủy ban nhân dân phường ThB xác nhận bị cáo nộp ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid - 19 với số tiền 5.000.000đồng, Biên lai thu tiền tự nguyện nộp trước quyết định thi hành án tiền bồi thường số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD, bị cáo có bố chồng được tặng thưởng huân huy chương. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

Bị cáo không phải thi hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự nhưng vẫn tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng nhưng bị hại xác định đã nhận lại toàn bộ số tiền do bị cáo chiếm đoạt nên bị hại không nhận. Do đó, trả lại cho bị cáo 2.000.000 đồng đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với bị cáo L.

[3.2]. Đối với nội dung đề nghị áp dụng hình phạt “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” đối với cả hai bị cáo theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị cáo L và bị cáo Y bị xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không sử dụng nghề nghiệp của mình để uy hiếp, đe dọa nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mặt khác, tại Điều 170 Bộ luật Hình sự không có quy định hình phạt bổ sung là “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định”. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” đối với cả hai bị cáo là phù hợp pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[3.3]. Đối với nội dung đề nghị xác định đúng vai trò tham gia tổ tụng đối với chị Vũ Thị Thanh H.

Các tài liệu có trong hồ sơ không có căn cứ xác định chị Huế có vai trò giúp sức cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Huế là người làm chứng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L:

Đây là vụ án đồng phạm trong đó bị cáo Nguyễn Thị L là người đề xuất, khởi xướng, lên kế hoạch, bàn bạc và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên giữ vai trò chính tích cực. Tuy nhiên, hậu quả thiệt hại về tài sản đã được ngăn chặn kịp thời, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trên, mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm

thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh trong quá trình xét xử phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây dư luận xấu tại địa phương nên không có căn cứ để xem xét cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

[5]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y.

Bị cáo trình bày bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại, không biết bị hại là ai và bị cáo L không có thỏa thuận về việc chia tài sản chiếm đoạt. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện bị cáo giúp bị cáo L nhấn tin và để bị cáo L sử dụng nội dung tin nhắn của bị cáo để đe dọa, uy hiếp bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên Tòa án cấp phúc **thẩm** áp dụng thêm cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải, có ý thức trong việc chấp hành pháp luật, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh trong quá trình xét xử phúc thẩm. Xét bị cáo có nhiều **tình tiết** giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của **bị cáo**, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây dư luận xấu tại địa phương nên không có căn cứ để xem xét cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo L và bị cáo Y kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Đặng Thị Kim Th. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD về phần hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị L như sau:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm n, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 36 (ba mươi sáu) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 10/5/2021.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Đặng Thị Kim Th. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải Y như sau:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và chị Đặng Thị Kim Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2020/0001711 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố HD (02 bản);
- VKSND thành phố HD;
- CQCSĐT Công an thành phố HD;
- Chi cục THADS thành phố HD;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa